

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Ủy ban nhân dân xã Bình Dân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 18/2022/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của Hội đồng nhân dân xã Bình Dân về việc Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Bình Dân (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, công chức Tài chính kế toán, các tổ chức, ban, ngành đoàn thể có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- UBND Huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Đảng ủy, HĐND xã ;
- Trưởng các ban, ngành đoàn thể;
- Trưởng các thôn;
- Lưu văn phòng,

CHỦ TỊCH

Hoàng Lê Phong



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
TỔNG SỐ THU	6.685.855.725	TỔNG SỐ CHI	6.685.855.725
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	223.704.453	I. Chi đầu tư phát triển	301.019.250
Phí và lệ phí	11.090.000	Trường học	301.019.250
Thu từ quỹ đất công ích và đất công	83.444.250	Các công trình khác	0
Trong đó: + Thu HLCS từ quỹ đất công ích	81.315.000		
+ Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất	2.129.250		
Thu khác	129.170.203		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	375.202.801	II. Chi thường xuyên	5.900.642.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	142.601.179	Sự nghiệp giáo dục	11.785.580
Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ KD	8.500.000	Sự nghiệp Văn hóa- Thể thao	49.146.000
Lệ phí trước bạ nhà, đất	46.062.350	Sự nghiệp Truyền thanh	47.564.200
Thu tiền sử dụng đất	98.890.000	Sự nghiệp kinh tế	162.472.365
Thuế thu nhập cá nhân	26.480.426	Sự nghiệp xã hội	869.923.420
Thuế giá trị gia tăng	52.668.846	Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.759.750.435
Các khoản thuế điều tiết khác		Chi khác	
III. Thu bổ sung	5.836.045.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân	484.194.475
- Bổ sung cân đối *	2.857.151.000	sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung có mục tiêu	2.978.894.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	-	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước	250.903.471		
sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH DÂN



Biểu số 117/CKTC - NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	6.649.267.000	6.649.267.000	6.685.855.725	6.685.855.725	100,55	100,55
I	Các khoản thu 100%	55.000.000	55.000.000	223.704.453	223.704.453	406,74	406,74
1	Phí, lệ phí	-	-	11.090.000	11.090.000		
2	Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	55.000.000	55.000.000	83.444.250	83.444.250	151,72	151,72
	- Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công	55.000.000	55.000.000	81.315.000	81.315.000	147,85	147,85
	- Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất	-	-	2.129.250	2.129.250		
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-	23.050.000	23.050.000		
4	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			-	-		
5	Thu khác	-	-	106.120.203	106.120.203		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.161.200.000	2.161.200.000	375.202.801	375.202.801	17,36	17,36
1	Các khoản thu phân chia	161.200.000	161.200.000	276.312.801	276.312.801	171,41	171,41
	Thuế thu nhập cá nhân	14.000.000	11.200.000	26.480.426	26.480.426	189,15	52,96

	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000.000	50.000.000	142.601.179	142.601.179	285,20	1.426,01
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	8.500.000	8.500.000	85,00	85,00
	Lệ phí trước bạ nhà đất	70.000.000	70.000.000	46.062.350	46.062.350	65,80	65,80
	Thuế giá trị gia tăng	20.000.000	20.000.000	52.668.846	52.668.846	263,34	263,34
2	Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.000.000.000	2.000.000.000	98.890.000	98.890.000	4,94	4,94
	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000.000	2.000.000.000	98.890.000	98.890.000	4,94	4,94
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			250.903.471	250.903.471		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			-	-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.433.067.000	4.433.067.000	5.836.045.000	5.836.045.000	131,65	131,65
	- Bổ sung cân đối	2.857.151.000	2.857.151.000	2.857.151.000	2.857.151.000	100,00	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	1.575.916.000	1.575.916.000	2.978.894.000	2.978.894.000	189,03	189,03



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.598.719.000	2.000.000.000	4.598.719.000	6.685.855.725	301.019.250	6.384.836.475	101,32		138,84
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	1.361.813.000	1.350.000.000	11.813.000	312.804.830	301.019.250	11.785.580	22,97		99,77
2	Chi y tế	-	-	0	-	-	0			
3	Chi văn hóa, thông tin	38.392.000	-	38.392.000	38.392.000	-	38.392.000	100,00		100,00
4	Chi phát thanh truyền hình	47.623.000	-	47.623.000	47.564.200	-	47.564.200	99,88		99,88
5	Chi thể dục thể thao	11.813.000	-	11.813.000	10.754.000	-	10.754.000	91,04		91,04
6	Chi bảo vệ môi trường	119.196.000	-	119.196.000	83.500.000	-	83.500.000	70,05		70,05
7	Chi các hoạt động kinh tế	79.041.000	-	79.041.000	78.972.365	-	78.972.365	99,91		99,91
8	Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể	4.738.553.000	650.000.000	4.088.553.000	4.759.750.435	-	4.759.750.435	100,45		116,42
9	Chi công tác xã hội	202.288.000	-	202.288.000	869.923.420	-	869.923.420	430,04		430,04
10	Chi kết dư				-	-				
11	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-	-	0	484.194.475	-	484.194.475			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
TỔNG CỘNG		574	-	574,0	301,0	-	301,0	
1. Công trình chuyển tiếp								
2.Công trình khởi công mới		574,0	-	574,0	301,0	-	301,0	-
Nhà vệ sinh học sinh trường THCS Bình Dân	1/2022- 3/2022	574		574	301		301,0	